TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2019/DS-PT
Ngày 10/9/2019
"V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hà;
Ông Đặng Văn Quyết.
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Mai –Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2019/TLPT- DS ngày 25/3/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 14/6/2019 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 138/2019/QĐ-PT ngày 29/8/2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà Thân Thị T, sinh năm 1968, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Th, sinh năm 1956, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1-Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964- Chồng bà T, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

2-Bà Mai Thị Ph, sinh năm 1958, vợ **ông Th**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Thân Thị T đã trình bày: Ngày 19/3/2012, ông Nguyễn Quang Th có đến gặp vợ chồng bà vay để số tiền 200.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình. Vợ chồng bà đã đồng ý cho ông Th vay tiền, các bên có thỏa thuận về lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng; thời hạn vay từ 05 đến 07 ngày. Sau khi nhận tiền ông Th đã viết giấy biên nhận và ký tên. Đến hạn trả nợ nhưng ông Th không trả tiền, bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Th trả nợ nhưng không có kết quả. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Quang Th phải trả vợ chồng bà số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày khởi kiện là 154.000.000 đồng. Bà ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ tham gia tố tụng trong vụ án.

Ông Nguyễn Văn Đ đã trình bày: Ông là chồng bà T. Ông tham gia vụ án với tư cách người đại diện theo ủy quyền của bà T và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông đồng ý với lời khai của bà T nhưng ông đề nghị vợ chồng ông Th, bà Mai Thị Ph phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông.

Bị đơn là ông Nguyễn Quang Th đã trình bày: Ông kết hôn với bà Mai Thị Ph năm 1978. Do bà Mai Thị L là chị gái của bà Ph đang sinh sống ở Hà Nội. Bà Ph có hỏi vay của bà Thân Thị T số tiền 200.000.000 đồng. Do bà L ở xa nên bà L đã gọi điện nhờ ông đến gặp bà T để lấy tiền hộ bà L. Ngày 19/3/2012, ông có đến gặp bà T để vay hộ bà L số tiền 200.000.000 đồng. Ông đã được bà T đưa cho số tiền 200.000.000 đồng. Khi nhận tiền, bà T có yêu cầu ông viết giấy biên nhận về việc ông vay của bà Tiền số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 20/3/2012, ông đã giao lại toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng mà ông đã nhận của bà T cho bà L. Khi giao tiền cho bà L, ông đã yêu cầu bà L viết và ký giấy nhận tiền đề ngày 20/3/2012 với nội dung bà L đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng do bà L vay của bà Thân Thị T và nhờ ông cầm giúp. Ban đầu bà Ph không biết sự việc ông nhận tiền và ký giấy biên nhận với bà T. Sau khi đưa số tiền 200.000.000 đồng của bà Tiền cho bà L thì ông mới nói cho bà Ph biết. Ông cũng không biết bà L đã trả tiền cho vợ chồng bà T chưa? Nay bà T khởi kiện đòi tiền ông thì ông mới biết bà L chưa tiền gốc và tiền lãi cho vợ chồng bà T. Ông thừa nhận ông là người ký nhận nợ bà T số tiền 200.000.000 đồng nhưng thực tế thì bà L là người đứng ra hỏi vay và là người sử dụng số tiền vay này. Mặc dù vậy nhưng ông cũng đồng ý trả vợ chồng bà T ông Đ thay cho bà L số tiền gốc là 200.000.000 đồng, ông không đồng ý trả tiền lãi cho bà T vì việc bà T đòi tiền lãi là đã hết thời hiệu khởi kiện. Đối với việc giao tiền giữa ông với bà L theo Giấy giao tiền đề ngày 20/3/2012 thì ông không có yêu cầu gì. Bà Ph cũng không liên quan gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Mai Thị Ph trình bày: Bà là vợ của ông Th. Khoảng đầu năm 2012, ông Th có nói chuyện với bà về việc bà Mai Thị L (chị gái của bà) có vay của vợ chồng bà T, ông Đ số tiền 200.000.000 đồng và bà L đã nhờ ông Th đến nhận tiền giúp. Ông Th đã đến gặp bà T để nhận tiền 200.000.000 đồng giúp bà L, ông Th

cũng đã giao lại toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng cho bà L. Ngày 22/11/2018, bà T đã đến gặp vợ chồng bà và yêu cầu trả cho bà T số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên thì bà mới biết là bà L chưa trả tiền cho vợ chồng bà T. Do vợ chồng bà không được sử dụng khoản tiền đó nên bà không đồng ý trả tiền cho bà T. Trách nhiệm trả nợ cho bà T thuộc về bà L.

Người làm chứng là bà Mai Thị L đã trình bày: Ngày 19/3/2012, bà đã nhờ ông Th đến gặp bà T để nhận giúp bà số tiền 200.000.000 đồng mà bà vay của bà T trước đó. Ngày 20/3/2012, ông Th đã giao lại cho bà số tiền trên, khi giao nhận tiền, bà có viết giấy biên nhận với ông Th có nội dung bà đã nhận số tiền 200.000.000 đồng do ông Th đưa, số tiền này là bà vay của bà T. Nay, ông Th đã trình bày là vợ chồng ông Th không được sử dụng số tiền này là đúng. Nhưng nay bà T khởi kiện đòi tiền của ông Th theo Giấy vay tiền đề ngày 19/3/2012 thì ông Th sẽ phải có trách nhiệm trả tiền cho bà T. Sau này nếu ông Th yêu cầu bà trả tiền cho ông Th thì bà cũng đồng ý. Bà xác định mình không liên quan gì trong vụ án này.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 14/6/2019 của Toà án nhân dân huyện T đã áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 163, khoản 1 Điều 166, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị T.

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang Th, bà Mai Thị Ph phải trả cho vợ chồng bà Thân Thị T ông Nguyễn Văn Đ số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền thi hành án và lãi suất chậm thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 28/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xử về việc bà Mai Thị Ph là vợ của ông Th phải có trách nhiệm trả nợ cùng ông Th. Ngoài ra quyết định của bản án đã không giải quyết hết các yêu cầu của đương sự và không viện dẫn đúng các Điều luật của BLTTDS.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Thân Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là ông Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị Ph có Đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt. Tại Đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt, bà Ph đã thể hiện quan điểm: Đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang vẫn giữ nguyên kháng nghị và đề nghị:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát: Sửa bản án sơ thẩm đã xử về việc buộc cá nhân ông Th phải có trách nhiệm trả tiền cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo lời khai của bà Thân Thị T và các chứng cứ là Giấy biên nhận nợ do bà T cung cấp đã xác định: Ngày 19/3/2012 ông Nguyễn Quang Th đã ký nhận vay của vợ chồng bà T, ông Nguyễn Văn Đ 200.000.000 đồng, thời hạn vay từ 5 đến 7 ngày, hai bên có thỏa thuận tiền lãi.

Đến hạn trả nợ, ông Th không thanh toán tiền gốc và lãi cho vợ chồng bà T, ông Đ.

Bà T đã khởi kiện yêu cầu ông Th phải trả tiền cho bà T, bà T đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ tham gia tố tụng trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đại diện theo ủy quyền của bà T yêu cầu vợ chồng ông Th và bà Ph cùng có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông Đ. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Đ đã rút yêu cầu đòi tiền lãi đối với vợ chồng ông Th.

Bản án sơ thẩm đã buộc vợ chồng bà Ph, ông Th phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng cho vợ chồng ông Đ.

Sau khi xét xử, ngày 28/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS có nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xử vì các lý do sau:

- Bà Mai Thị Ph là vợ của ông Th phải có trách nhiệm trả nợ cùng ông Th là không đúng vì Đơn khởi kiện của bà T chỉ yêu cầu ông Th phải có trách nhiệm trả tiền cho vợ chồng bà T.

-Việc ông Đ đại diện cho nguyên đơn là bà T rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi tiền lãi của bà T và không viện dẫn khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về việc bà Mai Thị Ph là vợ của ông Th phải có trách nhiệm trả nợ cùng ông Th là không đúng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11/12/2018, bản tự khai ngày 6/01/2019 (BL 01-02, 26) bà T đã trình bày: Vợ chồng bà cho ông Th vay 200.000.000 đồng. Bà đề nghị ông Th phải trả cho vợ chồng bà tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên là 154.000.000đ. Bà ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ tham gia tố tụng trong vụ án.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đến ngày Tòa án tiến hành hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ là ngày 17/4/2019 và ngày 02/5/2019, ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà T mới có yêu cầu bà Mai Thị Ph là vợ ông Th phải cùng ông Th thanh toán tiền cho vợ chồng ông Đ là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 200, Điều 5 BLTTDS.

Tuy nhiên ngày 28/6/2019, bà Ph đã trình bầy: Tôi đồng ý cùng chồng tôi là ông Nguyễn Quang Th trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Thân Thị T số tiền 200.000.000 đồng", (BL 109).

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà Ph vẫn có quan điểm: Đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử.

Hội đồng xét xử xét thấy: Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã có kháng nghị về nội dung này là có căn cứ. Tuy nhiên, và Phương vẫn đồng ý trả nợ cùng ông Th nên cũng cần tôn trọng ý kiến của bà Ph về nội dung này mà không cần thiết sửa bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về việc bản án sơ thẩm đã không đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi tiền lãi của bà T và không viện dẫn khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T chỉ khởi kiện yêu cầu ông Th phải trả 200.000.000đ tiền gốc và 154.000.000đ tiền lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Đ đại diện theo ủy quyền của bà T đã rút yêu cầu đòi tiền lãi. Tại phần nhận định của bản án, Tòa án đã nhận định đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi tiền lãi của bà T. Nhưng tại phần quyết định của bản án, Tòa án không viện dẫn căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, không quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi tiền lãi của bà T là không giải quyết hết các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án, không đúng quy định tại khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về nội dung này là có căn cứ. Tuy nhiên, để thực hiện 2 cấp xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm cũng không bổ sung phần quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi tiền lãi của bà T trong bản được vì Bản án phúc thẩm sẽ có hiệu lực pháp luật ngay, các đương sự sẽ không thể thực hiện quyền kháng cáo của mình được. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về nội dung trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308, BLTTDS chấp nhận 1 phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 163, khoản 1 Điều 166, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị T.

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang Th, bà Mai Thị Ph phải trả cho vợ chồng bà Thân Thị T ông Nguyễn Văn Đ số tiền gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí DSST: Ông Nguyễn Quang Th và bà Mai Thị Ph được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Thân Thị T số tiền 5.380.000 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002286 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

3. Về án phí DSPT: Các đương sự không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân huyện T;
-Chi cục THADS huyện T;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà Đặng Văn Quyết **Phạm Thị Minh Hiền**